

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1903 /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 28 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Quyết định số 1181/QĐ-UBND ngày 15/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 53/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 về kế hoạch đầu tư công năm 2022; số 09/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 về việc phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2022; số 26/NQ-HĐND ngày 22/11/2022 về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 93/TTr-SKHĐT ngày 24/11/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Điều 1 Quyết định số 1181/QĐ-UBND ngày 15/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2022 như sau:

1. Điều chỉnh nguồn vốn sự nghiệp ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 tại tiết b điểm 2.2 khoản 2 Điều 1 Quyết định số 1181/QĐ-UBND:

- Giảm nguồn vốn ngân sách tỉnh: 155 triệu đồng;
- Tăng nguồn vốn ngân sách huyện: 155 triệu đồng.

Nguồn vốn sự nghiệp ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 sau điều chỉnh là 1.876 triệu đồng (gồm: ngân sách tỉnh 295 triệu đồng; ngân sách huyện 1.581 triệu đồng).

2. Tổng nguồn vốn sự nghiệp ngân sách địa phương tại điểm 2.1 khoản 2 Điều 1 Quyết định số 1181/QĐ-UBND sau điều chỉnh là 58.071 triệu đồng (gồm: ngân sách tỉnh 35.921 triệu đồng; ngân sách huyện 22.150 triệu đồng).

3. Bổ sung khoản 3 sau khoản 2 Điều 1 như sau:

“3. Nguồn đối ứng vốn ngân sách tỉnh:

a) Nguồn đối ứng vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh: nguồn vốn đầu tư công năm 2022 và nguồn vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2022;

b) Nguồn đối ứng vốn sự nghiệp của ngân sách tỉnh: nguồn kinh phí tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh năm 2021 sang năm 2022 và nguồn kinh phí chuyển nguồn năm 2021 sang năm 2022 ngân sách cấp tỉnh.”

4. Điều chỉnh một số nội dung tại Biểu số Ib, IIIa, IVa kèm theo Quyết định số 1181/QĐ-UBND ngày 15/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Điều chỉnh tên đơn vị thụ hưởng thuộc tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn (sự nghiệp giáo dục) của dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 tại Biểu số Ib, IIIa kèm theo Quyết định số 1181/QĐ-UBND;

b) Điều chỉnh địa điểm thực hiện các mô hình thuộc nội dung Hỗ trợ phát triển sản xuất và các hình thức tổ chức sản xuất; điều chỉnh giảm vốn phân bổ cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện nội dung "đào tạo nghề" thuộc số thứ tự 1 Mục IV sang thực hiện nội dung "giám sát, đánh giá chất lượng nước" thuộc số thứ tự 3 Mục XV của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022) tại các Biểu số IVa kèm theo Quyết định số 1181/QĐ-UBND.

(Chi tiết tại các biểu 1, 2, 3, 4 kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Các nội dung khác không đề cập tại Quyết định này giữ nguyên theo Quyết định số 1181/QĐ-UBND ngày 15/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2022.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố rà soát, bổ sung nguồn vốn đối ứng ngân sách huyện theo nội dung điều chỉnh tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KHĐT, TC, NNPTNT, LĐ-TBXH;
- Ủy ban Dân tộc;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các Ban Đảng Tỉnh ủy, các Ban của HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh, các Đoàn thể tỉnh;
- C, PVP UBND tỉnh, các phòng CM,
Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT (VAT).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hồ Tiến Thiệu



**BIỂU MẪU ĐIỀU CHỈNH NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN
CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2022**

(theo tư Quyết định số: 1903/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên chương trình MTQG	Nguồn vốn sự nghiệp ngân sách địa phương được phê duyệt tại Quyết định số 181/QĐ-UBND			Điều chỉnh				Nguồn vốn sự nghiệp ngân sách địa phương sau điều chỉnh			Ghi chú
		Tổng cộng	NST	NSH	NST		NSH		Tổng cộng	NST	NSH	
					Giảm	Tăng	Giảm	Tăng				
1	2	3=4+5	4	5	6	7	8	9	10=11+12	11	12	13
	Tổng cộng	58,071	36,076	21,995					58,071	35,921	22,150	
1	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	10,365	1,486	8,879					10,365	1,486	8,879	
2	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	1,876	450	1,426	155			155	1,876	295	1,581	Chi tiết tại biểu 2, 3
3	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	45,830	34,140	11,690					45,830	34,140	11,690	Điều chỉnh chi tiết về địa điểm, nguồn vốn, tổng nguồn vốn không đổi (chi tiết tại biểu 4)

BIỂU 2: ĐIỀU CHỈNH BIỂU Ib QUYẾT ĐỊNH SỐ 1181/QĐ-UBND - TỔNG KẾ HOẠCH VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2022 (PHÂN THEO CHỦ ĐẦU TƯ)

(Kèm theo Quyết định số: 1903 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Đơn vị thực hiện	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững				Ghi chú
		Tổng	NSTW	ĐỐI ƯNG NSDP		
				Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
1	2	3	4	5	6	7
A	Nội dung tại biểu Ib Quyết định số 1181/QĐ-UBND					
I	Các cơ quan cấp tỉnh					
a	Các sở, ban, ngành					
b	Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	7,410	7,194	216	-	
*	Phân bổ chi tiết					
1	Trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn			21		
2	Trường Cao đẳng Y tế Lạng Sơn			20		
3	Trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn			20		
4	Trung tâm GDNN-GDTX Bình Gia			17		
5	Trung tâm GDNN-GDTX Văn Quan			15		
6	Trung tâm GDNN-GDTX Bắc Sơn			15		
7	Trung tâm GDNN-GDTX Chi Lăng			15		
8	Trung tâm GDNN-GDTX Hữu Lũng			15		
9	Trung tâm GDNN-GDTX Cao Lộc			17		
10	Trung tâm GDNN-GDTX Văn Lãng			15		
11	Trung tâm GDNN-GDTX Tràng Định			15		
12	Trung tâm GDNN-GDTX Lộc Bình			15		
13	Trung tâm GDNN-GDTX Đình Lập			16		
II	UBND cấp huyện					
B	Nội dung sau điều chỉnh					
I	Khối tỉnh					
a	Các cơ quan cấp tỉnh					

TT	Đơn vị thực hiện	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững				Ghi chú
		Tổng	NSTW	Đối ứng NSDP		
				Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
b	Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	2,073	2,012	61		Chi tiết tại biểu 3
*	<i>Phân bổ chi tiết</i>					
1	Trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn			21		
2	Trường Cao đẳng Y tế Lạng Sơn			20		
3	Trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn			20		
II	Khởi huyện					
1	UBND cấp huyện					
2	Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	5,337	5,182		155	Chi tiết tại biểu 3
1	UBND huyện Bình Gia (Trung tâm GDNN-GDTX Bình Gia)				17	
2	UBND huyện Văn Quan (Trung tâm GDNN-GDTX Văn Quan)				15	
3	UBND huyện Bắc Sơn (Trung tâm GDNN-GDTX Bắc Sơn)				15	
4	UBND huyện Chi Lăng (Trung tâm GDNN-GDTX Chi Lăng)				15	
5	UBND huyện Hữu Lũng (Trung tâm GDNN-GDTX Hữu Lũng)				15	
6	UBND huyện Cao Lộc (Trung tâm GDNN-GDTX Cao Lộc)				17	
7	UBND huyện Văn Lãng (Trung tâm GDNN-GDTX Văn Lãng)				15	
8	UBND huyện Tràng Định (Trung tâm GDNN-GDTX Tràng Định)				15	
9	UBND huyện Lộc Bình (Trung tâm GDNN-GDTX Lộc Bình)				15	
10	UBND huyện Đình Lập (Trung tâm GDNN-GDTX Đình Lập)				16	

BIỂU 3: BIỂU CHI NHẬN SỔ NGHĨP TẠI BIỂU IIIa QUYẾT ĐỊNH SỐ 1181/QĐ-UBND - KẾ HOẠCH VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2022 TỈNH LẠNG SON

(Kèm theo Quyết định số: 1903/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng



TT	Dự án	Số lượng tại Biểu IIIa Quyết định số 1181/QĐ-UBND														Nội dung điều chỉnh										Ghi chú				
		Các cơ sở GNN công lập (Tổng vốn SN)	Trường Cao đẳng Nghề LS (SN)	Trường Cao đẳng Y tế LS (SN)	Trường CD Sư phạm LS (SN)	TT GDNN-GDTX Bình Gia (SN)	TT GDNN-GDTX Văn Quan (SN)	TT GDNN-GDTX Bắc Sơn (SN)	TT GDNN-GDTX Chi Lăng (SN)	TT GDNN Hữu Lũng (SN)	TT GDNN-GDTX Cao Lộc (SN)	TT GDNN-GDTX Văn Lãng (SN)	TT GDNN-GDTX Tràng Định (SN)	TT GDNN-GDTX Lộc Bình (SN)	TT GDNN-GDTX Đình Lập (SN)	Các cơ sở GNN công lập (Tổng vốn SN)	Trường Cao đẳng Nghề LS (SN)	Trường Cao đẳng Y tế LS (SN)	Trường CD Sư phạm LS (SN)	UBND huyện Bình Gia (TT GDNN-GDTX Bình Gia) (SN)	UBND huyện Văn Quan (TT GDNN-GDTX Văn Quan) (SN)	UBND huyện Bắc Sơn (TT GDNN-GDTX Bắc Sơn) (SN)	UBND huyện Chi Lăng (TT GDNN-GDTX Chi Lăng) (SN)	UBND huyện Hữu Lũng (TT GDNN Hữu Lũng) (SN)	UBND huyện Cao Lộc (TT GDNN-GDTX Cao Lộc) (SN)		UBND huyện Văn Lãng (TT GDNN-GDTX Văn Lãng) (SN)	UBND huyện Tràng Định (TT GDNN-GDTX Tràng Định) (SN)	UBND huyện Lộc Bình (TT GDNN-GDTX Lộc Bình) (SN)	UBND huyện Đình Lập (TT GDNN-GDTX Đình Lập) (SN)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
I	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	7,410	731	671	671	569	527	527	508	527	569	527	527	508	548	7,410	731	671	671	569	527	527	508	527	569	527	527	508	548	
1	NSTW	7,194	710	651	651	552	512	512	493	512	552	512	512	493	532	7,194	710	651	651	552	512	512	493	512	552	512	512	493	532	
	<i>Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn (sự nghiệp giáo dục)</i>	7,194	710	651	651	552	512	512	493	512	552	512	512	493	532	7,194	710	651	651	552	512	512	493	512	552	512	512	493	532	
2	Đổi ứng NSDP	216	21	20	20	17	15	15	15	15	17	15	15	15	16	216	21	20	20	17	15	15	15	15	17	15	15	15	16	
2.1	<i>Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn (sự nghiệp giáo dục)</i>	216	21	20	20	17	15	15	15	15	17	15	15	15	16	216	21	20	20	17	15	15	15	15	17	15	15	15	16	
	Ngân sách cấp tỉnh															61	21	20	20											
	Ngân sách cấp huyện															155				17	15	15	15	15	17	15	15	15	16	



**BIỂU 4: ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG PHÂN BỐ KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số: 1903 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	STT tại Quyết định 1181/QĐ-UBND	Nội dung tại biểu IVa Quyết định số 1181/QĐ-UBND			Nội dung sau điều chỉnh			Ghi chú
		Nội dung	Đơn vị được phân bổ	Kinh phí	Nội dung	Đơn vị được phân bổ	Kinh phí	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
A	ĐIỀU CHỈNH VỀ TÊN, ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN MÔ HÌNH							
	I	Hỗ trợ phát triển sản xuất và các hình thức tổ chức sản xuất			Hỗ trợ phát triển sản xuất và các hình thức tổ chức sản xuất			
1	1	Mô hình trồng và chăm sóc cây Mắc ca theo tiêu chuẩn VietGap tại các xã Yên Trạch, Gia Cát, Xuất Lễ, huyện Cao Lộc	Huyện Cao Lộc		Mô hình trồng và chăm sóc cây Mắc ca theo tiêu chuẩn VietGap tại các xã Yên Trạch, Gia Cát, Xuất Lễ, Hải Yến, Cao Lâu, Thụy Hùng , huyện Cao Lộc	Huyện Cao Lộc		Nguồn vốn phân bổ cho các huyện giữ nguyên theo Quyết định số 1181/QĐ-UBND
2	9	Mô hình liên kết sản xuất khoai tây thương phẩm tại các xã Khánh Xuân, Hữu Khánh, Đồng Bục, Yên Khoái, huyện Lộc Bình	Huyện Lộc Bình		Mô hình liên kết sản xuất khoai tây thương phẩm tại xã Khuất Xá , huyện Lộc Bình	Huyện Lộc Bình		
3	10	Xây dựng mô hình liên kết sản xuất cây khoai lang theo hướng hữu cơ tại các xã Tú Đoạn, Tú Mịch, Khuất Xá, huyện Lộc Bình	Huyện Lộc Bình		Xây dựng mô hình liên kết sản xuất cây khoai lang theo hướng hữu cơ tại các xã Tú Đoạn, Khuất Xá , huyện Lộc Bình	Huyện Lộc Bình		
4	28	Xây dựng mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ giống gà 6 ngón tại xã Hữu Khánh huyện Lộc Bình	Huyện Lộc Bình		Xây dựng mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ giống gà 6 ngón tại xã Tú Mịch , huyện Lộc Bình	Huyện Lộc Bình		
B	ĐIỀU CHỈNH VỀ NGUỒN VỐN			700			700	
	IV	Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn			Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn			
5	1	Đào tạo nghề	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	100	Đào tạo nghề	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	-	
	XV	Nâng cao năng lực; giám sát, đánh giá thực hiện chương trình; truyền thông			Nâng cao năng lực; giám sát, đánh giá thực hiện chương trình; truyền thông			
6	3	Giám sát, đánh giá chất lượng nước	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	600	Giám sát, đánh giá chất lượng nước	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	700	